

Bản án số: 113/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28/10/2020

V/v ly hôn giữa anh T và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Toàn, ông Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Đinh Ngọc T; sinh năm 198*

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: chị Đinh Nữ Diễm N; sinh năm 199*

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020 và trong bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Ngọc T trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị N quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Năm 2015, anh cho chị N đi học trường Âu Lạc ở tỉnh Thừa Thiên Huế, học được 01 năm thì cặp bồ với một anh ở thành phố Huế về nhà bỏ chồng, con đi với anh người Huế, được 04 tháng thì quay lại xin lỗi gia đình và tiếp tục sống tình cảm vợ chồng để nuôi con. Đến năm 2017,

hai vợ chồng bàn bạc rời quê hương vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống và làm vườn nhưng không có hiệu quả nên hai vợ chồng chuyển vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu làm công ty để có tiền sinh sống, được một thời gian thì chị N lại bỏ nhà và chồng, con đi theo người đàn ông khác không về, bản thân anh T cùng gia đình hai bên Nội, Ngoại đã khuyên can nhưng chị N không nghe và từ đó ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị N.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là Đinh Hoàng Gia B – sinh ngày 08/3/201*, hiện tại con đang ở với anh T, nguyện vọng của anh T là xin nuôi con không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Nữ Diễm N không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị N không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 11/9/2020, Tòa án xác minh việc vắng mặt của chị Đinh Nữ Diễm N tại UBND xã Trung Hóa.

Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh T và chị N. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị N vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đinh Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N; về con chung: anh T muốn được nuôi cháu B và không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đinh Ngọc T và chị Đinh Nữ Diễm N; về con chung: giao con chung là cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, nợ

chung: không yêu cầu nên không xem xét; anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Đinh Ngọc T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Đinh Nữ Diễm N, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị N kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh T: vợ chồng anh T và chị N không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do chị N ngoại tình và cũng đã sống ly thân từ năm 2017. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung là Đinh Hoàng Gia B – sinh ngày 08/3/201*, hiện tại con đang ở với anh T, nguyện vọng của anh T là xin được nuôi dưỡng cháu B.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con đang ở với anh T, anh T cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của các con cần giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Đinh Nữ Diễm N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của chị về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề

tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của anh T. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Chị Đinh Nữ Diễm N được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, chị N đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đinh Ngọc T và chị Đinh Nữ Diễm N.
2. Về con chung: giao con chung là cháu Đinh Hoàng Gia B – sinh ngày 08/3/201* cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: anh Đinh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004245 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/10/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Ea Tam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

